

Số: 182/2025/NQ-HĐND

Hà Tĩnh, ngày 10 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Quy định một số chính sách đảm bảo an sinh xã hội
trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2026-2030**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Người cao tuổi ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Luật Người khuyết tật ngày 17 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Bảo hiểm y tế ngày 14 tháng 11 năm 2008; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế ngày 13 tháng 6 năm 2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế ngày 27 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Pháp lệnh số 02/2020/UBTVQH14 ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ưu đãi người có công với cách mạng;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội; số 76/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP; số 131/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng; số 159/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 6 năm 2025 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội tự nguyện; số 188/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế; số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Quyết định số 40/2011/QĐ-TTg ngày 27 tháng 7 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ quy định về chế độ đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 08/2012/TTLT-BLĐTBXH-BNV-BTC ngày 16 tháng 4 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện chế độ trợ cấp đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến theo Quyết định số 40/2011/QĐ-TTg ngày 27 tháng 7 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ; các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính: số 96/2018/TT-BTC ngày 18 tháng 10 năm 2018 quy định quản lý và sử dụng kinh phí chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người cao tuổi tại nơi cư trú; chúc thọ, mừng thọ, ưu đãi tín dụng và biểu dương khen thưởng người cao tuổi; số 76/2021/TT-BTC ngày 15 tháng 9 năm 2021 về việc hướng dẫn khoản 1 và khoản 2 Điều 31 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ; số 50/2024/TT-BTC ngày 17 tháng 7 năm 2024 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 76/2021/TT-BTC ngày 15 tháng 9 năm 2021; Thông tư số 02/2021/TT-BLĐTBXH ngày 24 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ;

Xét Tờ trình số 687/TTr-UBND ngày 07 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thông qua Nghị quyết quy định một số chính sách đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2026-2030; Báo cáo thẩm tra số 725/BC-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận, biểu quyết của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định một số chính sách đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2026-2030.

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định một số chính sách đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2026-2030.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người có công với cách mạng và thân nhân người có công theo quy định tại Pháp lệnh số 02/2020/UBTVQH14 ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2. Cựu chiến binh tham gia kháng chiến chống Pháp.

3. Thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến trở về địa phương.

4. Người lao động tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện có đăng ký thường trú trên địa bàn tỉnh.

5. Người cao tuổi từ đủ 65 tuổi đến dưới 75 tuổi chưa có thẻ bảo hiểm y tế; người thuộc hộ cận nghèo; người thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm

nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình theo quy định của Chính phủ.

6. Người cao tuổi là công dân Việt Nam ở tuổi: 70, 75, 80, 85, 90, 95, 100 và trên 100 tuổi có đăng ký thường trú trên địa bàn tỉnh.

7. Đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn (trẻ em không có nuôi dưỡng, người khuyết tật đặc biệt nặng, người cao tuổi đơn thân thuộc hộ nghèo đang hưởng trợ giúp xã hội hàng tháng tại cộng đồng hoặc đang được chăm sóc, nuôi dưỡng tại các cơ sở trợ giúp xã hội, Bệnh viện Sức khỏe tâm thần); người dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo.

8. Người khuyết tật thân kinh, tâm thần mức độ nặng, đặc biệt nặng thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo hoặc có hành vi nguy hiểm đối với gia đình và cộng đồng.

9. Các tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện chính sách an sinh xã hội.

Điều 3. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Thực hiện kịp thời, công bằng, công khai, minh bạch, đúng đối tượng.
2. Trường hợp đối tượng thuộc diện hưởng chính sách tại Nghị quyết này hoặc tại các văn bản khác nhau với các mức khác nhau thì chỉ được hưởng một mức cao nhất.

CHƯƠNG II

TẶNG QUÀ NHÂN DỊP KỶ NIỆM NGÀY THƯƠNG BINH - LIỆT SĨ, TẾT NGUYÊN ĐÁN VÀ CHÚC THỌ, MỪNG THỌ

Điều 4. Tặng quà người có công với cách mạng, thân nhân người có công, cựu chiến binh tham gia kháng chiến chống Pháp nhân dịp kỷ niệm Ngày Thương binh - Liệt sĩ, Tết Nguyên đán

1. Đối tượng tặng quà:
 - a) Thân nhân hưởng trợ cấp hằng tháng tiền tuất thương binh, tuất bệnh binh, tuất người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945, tuất người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945, tuất người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học.
 - b) Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học đang hưởng trợ cấp hằng tháng.
 - c) Thân nhân liệt sĩ hưởng trợ cấp tuất hằng tháng (không bao gồm đối tượng được Chủ tịch nước tặng quà theo quy định).
 - d) Cựu chiến binh tham gia kháng chiến chống Pháp.
 - đ) Người có công với cách mạng tiêu biểu hoặc có hoàn cảnh khó khăn, ốm đau, bệnh tật được Lãnh đạo tỉnh trực tiếp tặng quà (01 đối tượng/xã, phường) thuộc một trong các đối tượng sau: Bà mẹ Việt Nam Anh hùng; Anh

hùng Lực lượng vũ trang nhân dân; người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945; thương binh; bệnh binh; người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học.

e) Đại diện thân nhân liệt sĩ hoặc người thờ cúng liệt sĩ; đại diện thân nhân hoặc người thờ cúng Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.

2. Mức và hình thức tặng quà:

a) Đối tượng quy định tại điểm a, b, c, d khoản 1 Điều này được tặng quà bằng tiền mặt, mức 300.000 đồng/người/lần.

b) Đối tượng quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này được tặng quà mức 2.500.000 đồng/người/lần (bao gồm: 2.000.000 đồng quà tiền mặt và 500.000 đồng quà hiện vật).

c) Đối tượng quy định tại điểm e khoản 1 Điều này được tặng quà bằng tiền mặt, mức 300.000 đồng/người/lần để mua lễ vật thắp hương cho liệt sĩ, Bà mẹ Việt Nam Anh hùng đã từ trần.

Điều 5. Tặng quà đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo nhân dịp Tết Nguyên đán

1. Đối tượng được tặng quà:

a) Đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn: trẻ em không có nguồn nuôi dưỡng, người khuyết tật đặc biệt nặng, người cao tuổi đơn thân thuộc hộ nghèo, đang hưởng trợ giúp xã hội hàng tháng tại cộng đồng hoặc đang được chăm sóc, nuôi dưỡng tại các cơ sở trợ giúp xã hội công lập, Bệnh viện Sức khỏe tâm thần.

b) Người dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo.

2. Mức và hình thức tặng quà:

Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này được tặng quà bằng tiền mặt, mức quà 300.000 đồng/người/lần.

Điều 6. Chúc thọ, mừng thọ

1. Đối tượng được chúc thọ, mừng thọ:

Người cao tuổi là công dân Việt Nam ở tuổi: 70, 75, 80, 85, 90, 95, 100 và trên 100 tuổi có đăng ký thường trú trên địa bàn tỉnh.

2. Mức và hình thức:

a) Người cao tuổi thọ 100 tuổi, mức quà tặng bằng tiền mặt 1.000.000 đồng/người.

b) Người cao tuổi thọ 90 tuổi, mức quà tặng bằng tiền mặt 700.000 đồng/người.

c) Người cao tuổi thọ 95 và trên 100 tuổi, mức quà tặng bằng tiền mặt 500.000 đồng/1 người.

d) Người cao tuổi thọ 70, 75, 80, 85 tuổi, mức quà tặng bằng tiền mặt 300.000 đồng.

e) Người cao tuổi thọ 100 tuổi và thọ 90 tuổi thuộc diện được lựa chọn để Lãnh đạo tỉnh trực tiếp tặng quà chúc thọ, mừng thọ nhân dịp Tết Nguyên đán, mức quà bằng hiện vật trị giá 500.000 đồng/người/lần.

CHƯƠNG III

TIẾP NHẬN VÀO CHĂM SÓC NUÔI DƯỠNG VÀ TRỢ CẤP HẰNG THÁNG ĐỐI VỚI THANH NIÊN XUNG PHONG

Điều 7. Tiếp nhận đối tượng người có công với cách mạng và thân nhân người có công vào chăm sóc, nuôi dưỡng tại Trung tâm Điều dưỡng người có công và bảo trợ xã hội Hà Tĩnh

1. Đối tượng được tiếp nhận:

a) Người có công với cách mạng đang hưởng trợ cấp ưu đãi hằng tháng sống cô đơn theo quy định của Chính phủ.

b) Thanh niên xung phong là người cao tuổi, sống cô đơn, không có người chăm sóc nuôi dưỡng tại cộng đồng.

c) Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học bị khuyết tật đặc biệt nặng, không có người chăm sóc nuôi dưỡng tại gia đình, cộng đồng hoặc vẫn còn cha, mẹ nhưng cha, mẹ là người cao tuổi, người khuyết tật hoặc chỉ còn cha hoặc mẹ nhưng cha hoặc mẹ là người cao tuổi, người khuyết tật.

2. Mức hỗ trợ:

Ngân sách tỉnh hỗ trợ phần kinh phí chênh lệch giữa trợ cấp ưu đãi hằng tháng từ ngân sách nhà nước so với định mức kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng người có công, bảo trợ xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh theo quy định của cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 8. Đối tượng được tiếp nhận, chăm sóc nuôi dưỡng tại Bệnh viện Sức khỏe tâm thần Hà Tĩnh

1. Đối tượng được tiếp nhận:

a) Đối tượng có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn

Người khuyết tật thần kinh, tâm thần mức độ đặc biệt nặng thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo có nguyện vọng được tiếp nhận chăm sóc, nuôi dưỡng tại Bệnh viện Sức khỏe tâm thần.

b) Đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp

Người khuyết tật thần kinh, tâm thần mức độ nặng, đặc biệt nặng có hành vi nguy hiểm đối với gia đình và cộng đồng được tiếp nhận khẩn cấp vào chăm sóc, nuôi dưỡng tại Bệnh viện Sức khỏe tâm thần.

2. Thời gian chăm sóc, nuôi dưỡng:

a) Đối tượng quy định tại điểm a khoản 1 Điều này sẽ không được tiếp nhận, chăm sóc, nuôi dưỡng nếu qua rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm

cơ quan có thẩm quyền xác định gia đình không còn thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo hiện hành.

b) Đối tượng tại điểm b khoản 1 Điều này thời gian chăm sóc, nuôi dưỡng thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 24 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ.

3. Chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại Bệnh viện Sức khỏe tâm thần:

a) Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này được hưởng chế độ như các đối tượng đang được nuôi dưỡng tại các cơ sở trợ giúp xã hội (theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ). Trường hợp được tiếp nhận vào chăm sóc nuôi dưỡng tại Bệnh viện Sức khỏe tâm thần thì không được hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng tại cộng đồng.

b) Ngân sách tỉnh cấp bù đối với đối tượng tại khoản 1 Điều này nếu mức thu nhập thấp hơn mức chi phí dịch vụ (mức chi phí dịch vụ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 6 Nghị quyết số 98/2018/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về củng cố, phát triển hệ thống mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2018-2025, tầm nhìn đến năm 2030).

Điều 9. Trợ cấp hằng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến trở về địa phương

1. Đối tượng hưởng trợ cấp:

Thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến trở về địa phương, hiện không còn khả năng lao động, thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo hoặc hộ có mức sống trung bình và không thuộc đối tượng được hưởng trợ cấp hưu trí xã hội hoặc các loại trợ cấp hằng tháng khác của Nhà nước.

2. Mức trợ cấp:

Mức trợ cấp hằng tháng của đối tượng thanh niên xung phong bằng mức chuẩn trợ giúp xã hội do Chính phủ quy định.

CHƯƠNG IV HỖ TRỢ ĐÓNG BẢO HIỂM Y TẾ, BẢO HIỂM XÃ HỘI TỰ NGUYỆN

Điều 10. Đối tượng và mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế

1. Đối tượng được hỗ trợ:

a) Người cao tuổi từ đủ 70 tuổi đến dưới 75 tuổi chưa có thẻ bảo hiểm y tế.

b) Người cao tuổi từ đủ 65 tuổi đến dưới 70 tuổi chưa có thẻ bảo hiểm y tế.

c) Người thuộc hộ cận nghèo theo tiêu chí chuẩn cận nghèo theo quy định của Chính phủ.

d) Người thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình theo quy định của Chính phủ.

2. Mức hỗ trợ:

a) Người cao tuổi từ đủ 70 đến dưới 75 tuổi: ngân sách tỉnh hỗ trợ 100% mức đóng bảo hiểm y tế.

b) Người cao tuổi từ đủ 65 đến dưới 70 tuổi: ngân sách tỉnh hỗ trợ 70% mức đóng bảo hiểm y tế.

c) Người thuộc hộ cận nghèo: ngân sách tỉnh hỗ trợ 30% mức đóng bảo hiểm y tế.

d) Người thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình: ngân sách tỉnh hỗ trợ 20% mức đóng bảo hiểm y tế.

Điều 11. Đối tượng và mức hỗ trợ bảo hiểm xã hội tự nguyện

1. Đối tượng hỗ trợ:

Người lao động tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện, có đăng ký thường trú trên địa bàn tỉnh.

2. Mức hỗ trợ:

Ngoài mức hỗ trợ theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 159/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội tự nguyện, người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện được hỗ trợ thêm tiền đóng theo tỷ lệ phần trăm (%) trên mức đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện hằng tháng theo mức chuẩn hộ nghèo của khu vực nông thôn theo quy định tại khoản 2 Điều 31 và khoản 1 Điều 36 Luật Bảo hiểm xã hội, cụ thể:

- a) Bằng 30% đối với người tham gia thuộc hộ nghèo, người dân tộc thiểu số.
- b) Bằng 25% đối với người tham gia thuộc hộ cận nghèo.
- c) Bằng 20% đối với người tham gia còn lại.

CHƯƠNG V

KINH PHÍ, ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Nguồn kinh phí thực hiện chính sách được bố trí từ ngân sách tỉnh theo phân cấp ngân sách hiện hành; đồng thời huy động, lồng ghép với các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật nhằm bảo đảm cân đối nguồn lực thực hiện chính sách.

2. Việc lập dự toán, chấp hành dự toán và quyết toán kinh phí được thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 13. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.
2. Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn trong Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản quy phạm pháp luật mới.
3. Các hồ sơ thực hiện chính sách trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực nhưng chưa được hưởng chính sách theo quy định thì tiếp tục thực hiện theo các nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: số 72/2022/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2022; số 106/2023/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2023; số 134/2024/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2024.
4. Nghị quyết này thay thế các nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: số 72/2022/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2022; số 106/2023/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2023; số 134/2024/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2024.

Điều 14. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết; quy định thủ tục hành chính để hướng dẫn thực hiện.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh khóa XVIII, kỳ họp thứ 34 thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ, Website Chính phủ;
- Các bộ: Y tế, Nội vụ, Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản - QLXLVPHC- Bộ Tư pháp;
- Kiểm toán nhà nước khu vực II;
- Bộ Tư lệnh Quân khu IV;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội Đoàn Hà Tĩnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TTr: HĐND, UBND các xã, phường;
- Trung tâm CB - TH, Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, HĐ₂, TH₂.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Hồng Lĩnh